

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 166/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18-12-2020

“*V/v tranh chấp ly hôn*”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mua

2. Ông Trần Văn Bé Hai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 18 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 436/2020/TLST-HNGĐ, ngày 6 tháng 10 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2020/QĐST-DS, ngày 02/12/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã ML, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn S (Nguyễn Văn S1)**, sinh 1971 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp PTY, xã SP, huyện Tam Bình, Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/8/2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Văn S qua mai mối rồi đi đến hôn nhân năm 1992, có tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng không có đăng ký kết hôn.

Thời gian sau khi cưới vợ chồng sống tại ấp A, xã ML, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, sau đó đi lên xã SP sống được vài tháng, rồi sau đó quay trở về sống bên gia đình bà tại ấp A, xã ML, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc kéo dài

đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, ông S đi làm nhưng không gửi tiền về lo cho gia đình. Bà và ông S đã sống ly thân từ năm 2018 và ông S tách chuyển hộ khẩu về nhà mẹ ruột xã SP, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long sinh sống cho đến nay. Bà và ông S đã có hàn gắn nhưng vẫn còn mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn, không khắc phục được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 16/9/1993, Nguyễn Thị Mỹ A, sinh ngày 08/01/1998, Nguyễn Văn Nguyên P, sinh ngày 06/02/2000, các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong biên bản hòa giải ngày 16/11/2020, bị đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị C qua mai mối rồi đi đến hôn nhân năm 1992, có tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng không có đăng ký kết hôn, có xác nhận của UBND xã ML và Phòng tư pháp huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long là đúng.

Thời gian sau khi cưới vợ chồng sống tại ấp A, xã ML, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, sau đó đi lên xã SP sống được vài tháng, rồi sau đó quay trở về sống bên gia đình vợ tại ấp A, xã ML, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc kéo dài đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, ông thừa nhận đi làm nhưng không gửi tiền về lo cho gia đình, ngoài ra không còn mâu thuẫn gì khác. Ông và bà C đã sống ly thân từ năm 2018, ông cũng đã chuyển hộ khẩu trở về nhà mẹ ruột xã SP, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long sinh sống cho đến nay. Vợ chồng có gặp 02 lần nhưng không nói chuyện hàn gắn gì hết, mạnh ai nấy sống riêng, không liên lạc gì với nhau. Nay ông thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn, thường xuyên cự cãi, không khắc phục được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị C.

Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 16/9/1993, Nguyễn Thị Mỹ A, sinh ngày 08/01/1998, Nguyễn Văn Nguyên P, sinh ngày 06/02/2000, các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị C vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 16/9/1993, Nguyễn Thị

Mỹ A, sinh ngày 08/01/1998, Nguyễn Văn Nguyên P, sinh ngày 06/02/2000, các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không có yêu cầu nào khác và cũng không có cung cấp tài liệu, chứng cứ mới tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về pháp luật tố tụng: Bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn S tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1992, không đăng ký kết hôn, có 03 con chung là Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 16/9/1993, Nguyễn Thị Mỹ A, sinh ngày 08/01/1998, Nguyễn Văn Nguyên P, sinh ngày 06/02/2000; nay trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, bà Châu xin ly hôn ông S, ông S cư trú tại xã SP, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long; theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Ông Nguyễn Văn S được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với ông S theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về pháp luật nội dung:

[1]. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị C:

Bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn S qua mai mối rồi đi đến hôn nhân năm 1992, có tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng không có đăng ký kết hôn, có xác nhận của UBND xã ML và Phòng tư pháp huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long do bà C cung cấp cho Tòa án và ông S cũng thừa nhận; như vậy mặc dù có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng hai bên không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và hiện tại đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, nhưng không hàn gắn được, nay bà C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông S, ông S đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà C. Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn và đồng ý ly hôn của bị đơn không được Tòa án công nhận thuận tình ly hôn mà xét xử do không có đăng ký kết hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”*.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”*.

Do đó quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông S là không hợp pháp và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn S là có căn cứ.

[2]. Về con chung của vợ chồng: Có 03 con chung là Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 16/9/1993, Nguyễn Thị Mỹ A, sinh ngày 08/01/1998, Nguyễn Văn Nguyên P, sinh ngày 06/02/2000, các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. *Về hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn S.

[2]. *Về con chung của vợ chồng*: Có 03 con chung là Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 16/9/1993, Nguyễn Thị Mỹ A, sinh ngày 08/01/1998, Nguyễn Văn Nguyên P, sinh ngày 06/02/2000, đã trưởng thành, nên không đặt ra giải quyết.

[3]. *Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số NQ 0010519 ngày 6/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Bà C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6]. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- CCTHADS huyện Tam Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bảo